

Bản tin chứng khoán

Trong số này

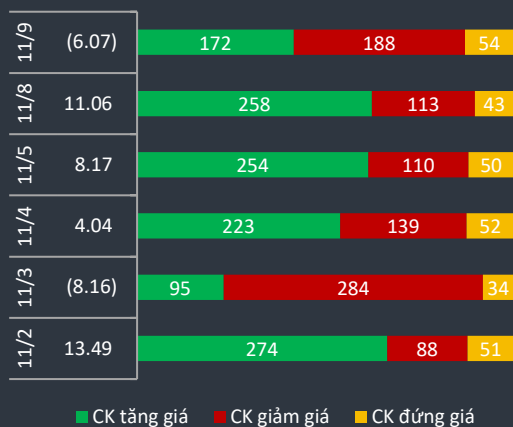
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

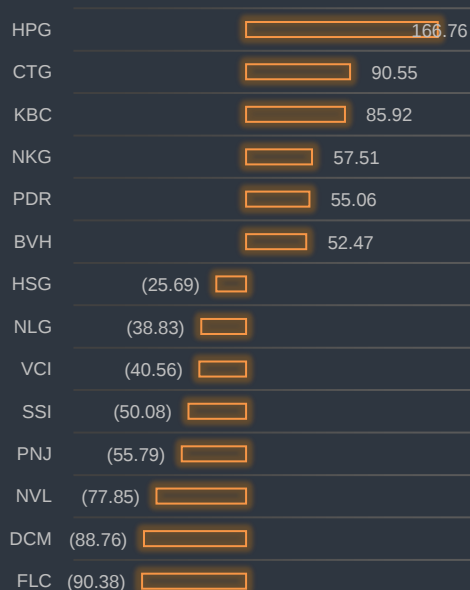
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường mở cửa trong sắc xanh nhẹ nhưng động lực không mạnh và dù dòng tiền giao dịch vẫn duy trì ở mức cao nhưng áp lực bán có xu hướng dồn ép nhiều hơn. Các nhóm ngành trong phiên giao dịch không có sự nổi trội mà phân hóa vào từng cổ phiếu. Dù buổi sáng chỉ số Vnindex xanh nhẹ nhưng độ rộng lại kém với số mã giảm luôn vượt trội so với số mã tăng. Phiên chiều lực bán ra càng gia tăng đã kéo lùi chỉ số index xuống gần 10 điểm. Lực cầu bất dưới cũng khá tốt và giằng co trong những phút cuối giao dịch vì vậy đỡ cho chỉ số index không sụt mạnh cuối phiên.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng đi ngang trong ngày nhưng vẫn có vài cổ phiếu nổi trội như ABB tăng 4.8% do hôm nay là ngày giao dịch không hưởng quyền bán cổ phiếu ưu đãi 20% giá 10,000. HDB cũng xanh khá tốt 2.6%. Có 11 cổ phiếu bank giảm giá trong đó SHB bị lượng lớn trên 5 triệu bán ra cuối phiên nhưng bên phía cầu lại không có lệnh đối ứng vì vậy chốt phiên giảm đến 6.1%. OCB cũng giảm 1.7% trong ngày về 28. Thanh khoản trong ngày của OCB đạt mức khá cao trên 6.2 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

Cổ phiếu chứng khoán có phần khởi sắc hơn nhờ một số cổ phiếu ngược dòng như CTS, VIX, PSI tăng trên 4%. VND cũng xanh 2.6%. Những mã CK lớn khác như HCM, SSI, VCI đỏ nhẹ cuối phiên. Các nhóm ngành khác như bất động sản, khu công nghiệp, vật liệu xây dựng, dệt may hầu như đi ngang và chỉ có một vài cổ phiếu tạo sóng như CEO, HDC, LDG, CCL, DIG, SCR của nhóm bất động sản. Ngược lại một số cổ phiếu lớn như NVL, VRE, HQC, HAR, AGG lại điều chỉnh nhẹ.

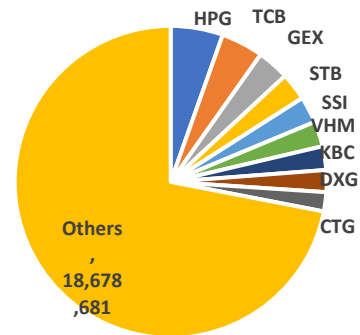
Nhóm ngành Logistics đáng chú ý nhất ở nhiều cổ phiếu liên quan cảng biển và vận tải như PVT, DXP, VSC, GMD, GSP, HAH trong đó có khá nhiều cổ phiếu tăng trần nhờ thông tin dự báo quý 4 khả quan.

Vnindex 1,461.5

▼ -6.07 (-0.41%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HDB	27.7	700	2.59
BVH	64.8	1,300	2.05
VIB	38.0	350	0.93
STB	28.1	250	0.90
DHG	102.0	800	0.79
VHM	83.0	600	0.73
CTG	33.0	150	0.46
MBB	28.6	100	0.35
SAB	174.0	300	0.17
ACB	33.5	50	0.15
BCM	56.0	-	-
REE	72.0	-	-
VIC	94.9	-	-
GVR	40.6	(100)	(0.25)
PLX	54.5	(200)	(0.37)
HVN	24.8	(100)	(0.40)
SSI	44.3	(200)	(0.45)
HPG	56.5	(300)	(0.53)
TCB	52.3	(300)	(0.57)
VJC	131.0	(800)	(0.61)
PDR	92.3	(800)	(0.86)
TPB	43.4	(400)	(0.91)
FPT	96.4	(1,000)	(1.03)
VNM	89.8	(1,000)	(1.10)
VCB	97.1	(1,100)	(1.12)
MWG	130.0	(1,600)	(1.22)
VPB	37.1	(500)	(1.33)
VRE	30.4	(450)	(1.46)
NVL	103.0	(1,600)	(1.53)
PNJ	106.0	(2,000)	(1.85)
POW	12.9	(250)	(1.91)
BID	43.0	(900)	(2.05)
MSN	147.8	(4,200)	(2.76)
GAS	119.2	(3,800)	(3.09)



Chỉ số Vnindex điều chỉnh nhẹ 6 điểm và lui về 1461 sau khi gần chạm vùng kháng cự gần 1470. Thanh khoản có phần chững lại nhưng vẫn đạt ở mức khá cao trên 28 ngàn tỷ. Đây có thể xem là mức giao dịch bình thường kể từ tháng 10 đến nay khi số lượng tài khoản chứng khoán mở mới liên tục gia tăng thời gian vừa qua. Thị trường sẽ còn tiếp tục rung lắc trong các phiên tới và khả năng Vnindex còn dao động trong vùng 1440 – 1470 trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể chốt lãi các khoản danh mục đạt mục tiêu và chờ cơ hội giải ngân mới. Các cổ phiếu đang có xu hướng tăng giá ngắn hạn lưu ý: BNA, FIT, PAN, DPR, TCM, STK, DPM.

Cổ phiếu ưu tiên nắm giữ

Thép: NKG, HPG, HSG

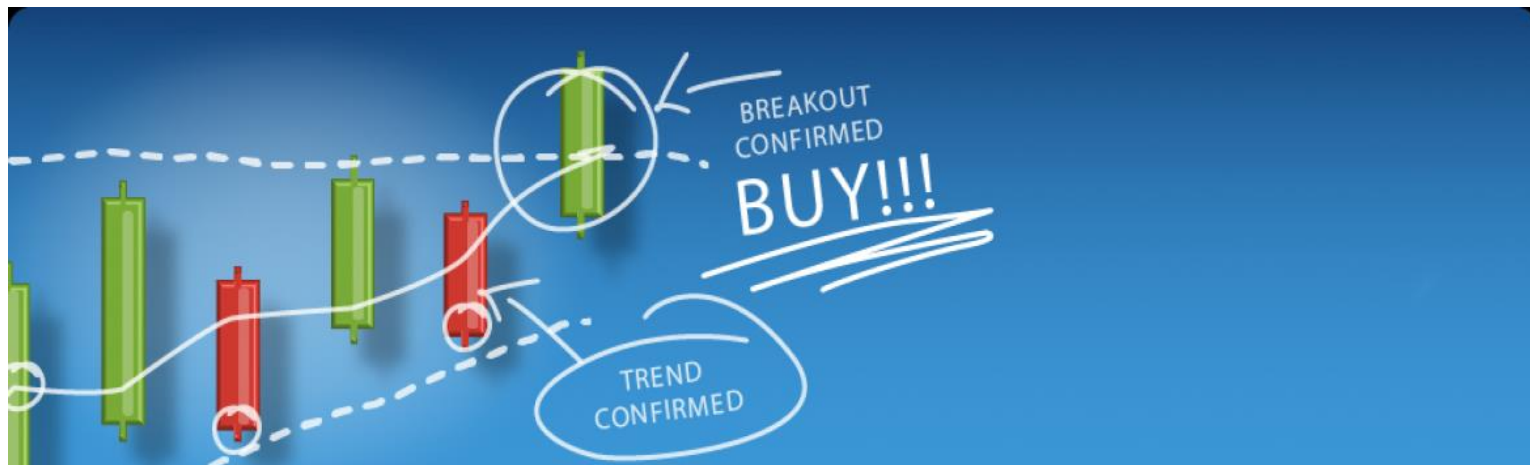
Phân đạm: DPM, DCM

Ngân hàng: OCB, TPB, CTG

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, VND, DPR, BVH, ABI

Cổ phiếu nắm giữ trung và dài hạn

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	78.3	0.6	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	22.3%
PET	31.8	1.0	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	13.6%
LCG	18.3	(5.4)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	30.7%
DPR	83.2	0.8	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	24.2%
IDC	94.5	23.5	45	85	Nắm giữ	9/21/2021	89.0%
REE	72.0	(0.4)	50	80	Nắm giữ	7/12/2021	41.2%
GVR	40.6	(3.6)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	38.1%
HCM	43.5	7.8	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	27.9%
VCI	72.5	4.3	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	48.0%
SSI	44.3	4.6	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	34.2%
MBB	28.6	0.7	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-1.4%
OCB	28.0	3.9	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	21.7%
HPG	56.5	1.8	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	25.6%
DGW	112.0	(0.2)	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	124.0%



Các cổ phiếu cho tín hiệu mua ngắn hạn

Bộ lọc cổ phiếu với các tiêu chí mua bán ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể mua khi giá chạm mục tiêu với kỳ vọng lợi nhuận từ 1 tuần đến 3 tháng. Một số cổ phiếu sẽ có hàm lượng rủi ro cao vì vậy luôn dự phòng vùng cắt lỗ chặn dưới 10%.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngưỡng cắt lỗ	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TLH	22.9	(1.9)	20	30	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 30	Cắt lỗ nếu dưới 20	11/5/2021	-0.4%
BNA	47.2	10.3	37	50	Mua quanh 42-43. Mục tiêu 50	Cắt lỗ nếu dưới 35	11/5/2021	9.0%
PTB	110.9	(0.9)	100	125	Mua quanh 110-112. Mục tiêu 125	Cắt lỗ nếu dưới 100	11/5/2021	-1.2%
DHC	95.8	5.3	85	110	Mua quanh 94-96. Mục tiêu 110	Cắt lỗ nếu dưới 90	11/5/2021	-0.3%
FIT	13.9	(0.4)	11	17	Mua quanh 12-13. Mục tiêu 17	Cắt lỗ nếu dưới 11	11/5/2021	3.7%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

CTI	5.18
PAN	5.37
LDG	6.64
TSC	6.64
HAG	6.84
STG	6.86
GMC	6.87
SCD	6.89
ITD	6.90
PVT	6.92
VMD	6.94
DAG	6.95
HDC	6.96
TN1	7.00

Top tăng giá HNX

V12	8.96
DZM	9.09
L14	9.14
LDP	9.35
TTL	9.45
CEO	9.49
TDT	9.56
MHL	9.59
VNF	9.65
CMS	9.78
DXP	9.87
VTH	9.90
VXB	9.91
PMB	9.95
SDA	9.95

PME - CTCP Pymepharco - Ngày 05/11, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định hủy niêm yết cổ phiếu từ ngày 06/12/2021. Nguyên nhân do, PME hủy tư cách công ty đại chúng.

POW - CTCP PV Power - Sản lượng điện tháng 10 đạt 598,7 triệu kWh, thực hiện được 42% kế hoạch tháng và giảm 40% so với cùng kỳ năm trước. Đơn vị duy nhất vượt 28% kế hoạch tháng là Nhà máy thủy điện Đakdrinh với sản lượng đạt 70,3 triệu kWh, theo đó thu về gần 70 tỷ đồng trong doanh thu tháng 10.

LIX - CTCP Bột giặt Lix - Công bố Nghị quyết HĐQT đề ra kế hoạch kinh doanh quý IV gồm doanh thu 646 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 40 tỷ đồng, lần lượt giảm 7% và giảm 56% so với cùng kỳ năm trước.

ASM - CTCP Tập đoàn Sao Mai – Đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2019 và 2020 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 30% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 30 cổ phiếu mới), tương ứng ASM sẽ phát hành thêm hơn 77,66 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

CLC - CTCP Cát Lợi - Ngày 04/11, HĐQT đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 26/11/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 15/12/2021.

THI - CTCP Thiết bị Điện – Đã thông qua phương án toàn bộ 4,8 triệu cổ phiếu quỹ hiện có để bổ sung vốn lưu động. Giao dịch dự kiến theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, thời gian thực hiện trong quý IV/2021.

ICG - CTCP Xây dựng Sông Hồng - Ngày 19/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 22/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 14/12/2021.

GDT - CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành - Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 20% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 26/11. Với hơn 17,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Công ty sẽ phải chi hơn 35,42 tỷ để thanh toán cổ tức đợt này cho cổ đông.

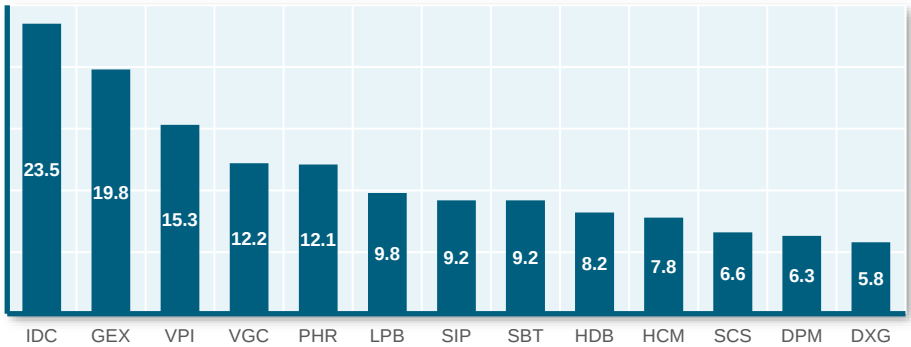


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	37.1	10,137,900	7.3	1.5	-	76,800	164,705	15.20	5,056	24,447
VIB	HOSE	38.0	1,364,000	6.7	2.8	8,800	800	59,019	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.1	1,377,600	17.6	3.4	901,400	314,200	360,132	23.57	5,532	28,293
VBB	HNX	17.0	97,090	20.5	1.5	-	-	8,121	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.6	819,264	14.7	1.3	-	-	7,831	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.4	2,345,100	9.5	2.3	-	301,000	50,851	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	52.3	21,533,900	11.3	2.2	-	-	183,621	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.1	26,353,000	14.6	1.7	3,239,700	1,863,500	52,975	16.76	1,922	16,846
SSB	HOSE	37.6	2,362,400	21.8	3.1	-	-	50,478	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	29.1	31,609,200	13.3	2.1	117,900	581,600	56,048	3.74	2,183	14,014
SGB	HNX	17.9	156,825		1.5	-	-	5,513	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	25.9	651,452	35.0	1.9	100	100	7,770	15.00	739	13,529
OCB	HNX	28.0	6,199,700	7.4	1.6	295,800	377,900	38,357	21.84	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.2	260,856	142.4	2.7	-	-	11,879	8.44	205	10,726
NAB	HOSE	22.5	749,618	6.7	1.4	5,000	200	10,270	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	25.0	9,589,500	7.6	1.4	-	-	38,111	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.6	12,363,700	7.3	1.4	-	247,600	108,060	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	23.5	10,643,700	9.1	1.6	2,600	230,500	28,284	3.95	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.7	121,498	11.6	1.7	-	-	8,567	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	27.7	7,774,000	7.2	1.6	2,464,300	471,700	55,184	17.60	3,854	17,399
EIB	HOSE	25.5	672,400	29.2	1.8	11,300	76,700	31,351	29.71	874	14,061
CTG	HOSE	33.0	15,592,100	7.5	1.3	4,025,400	1,286,000	158,349	24.73	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.6	4,975,712	19.5	1.8	400	-	8,296	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	43.0	2,541,000	17.1	2.0	831,500	20,700	172,947	16.61	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.7	35,807	23.9	1.9	500	100	17,096	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.5	5,047,900	7.2	2.2	60,000	60,000	90,380	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.7	3,071,611	7.7	1.3	-	-	12,397	30.00	2,801	16,671
178,446,833				18.62	1.89	11,964,700	5,909,400	1,796,592		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SFI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CNC	UPCoM	17/11/2021	18/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	C36	UPCoM	16/11/2021	17/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	ST8	HOSE	15/11/2021	16/11/2021	8/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HC3	UPCoM	15/11/2021	16/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMC	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	KHP	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PGN	HNX	12/11/2021	15/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:11	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	VPI	HOSE	11/11/2021	12/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	PVT	HOSE	11/11/2021	12/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	L12	UPCoM	11/11/2021	12/11/2021	30/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VNF	HNX	10/11/2021	11/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	ICT	HOSE	9/11/2021	10/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ADP	UPCoM	9/11/2021	10/11/2021	3/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	PTD	HNX	9/11/2021	10/11/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	IDC	HNX	9/11/2021	10/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PRT	UPCoM	9/11/2021	10/11/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TDT	HNX	9/11/2021	10/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	TDT	HNX	9/11/2021	10/11/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
22	HTC	HNX	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	BVH	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	30/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 898.5 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TRC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VSC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	SD5	HNX	5/11/2021	8/11/2021	22/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SD5	HNX	5/11/2021	8/11/2021	31/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	ABI	UPCoM	5/11/2021	8/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931